

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12/01/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V- TỈNH PHÚ THỌ

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Vân.

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Ngọc Hà

2. Ông Lê Minh Tranh

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hoàng Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1992

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã L3, huyện V2, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Trần Thế L2**, sinh năm 1984

ĐKKHKT: Tò 18, khu 2<sup>a</sup>, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L2 vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2022, bản tự khai ngày 20/10/2022, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 23/11/2017 chị Trần Thị L và anh Trần Thế L2 đăng ký kết hôn tại UBND xã L3, huyện V2, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn. Chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 9/2021. Từ đó đến nay, hai bên không có liên lạc gì và cũng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm với anh L2 không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L2.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Kim N1, sinh ngày 11/11/2018 và cháu Trần Bảo n2, sinh ngày 07/6/2020. Hiện nay, cháu Trần Thị Kim N1 đang sống cùng anh L2, cháu Trần Bảo n2 sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L xin được nuôi cháu Trần Bảo n2 và không đề nghị anh L2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị L trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

*Phía bị đơn, anh Trần Thế L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L2, lấy lời khai của mẹ đẻ anh L2 là bà Nguyễn Thị T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2022 của bà Nguyễn Thị T xác định: Sau khi vợ chồng chị L, anh L2 kết hôn thì hai vợ chồng chung sống cùng gia đình bà T tại khu 2<sup>a</sup>, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống chung của vợ chồng chị L, anh L2 bình thường không có mâu thuẫn lớn mà chủ yếu là những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh L2 không hòa giải được. Chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 8/2021, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị L và anh L2 có 02 con chung, từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Trần Thị Kim N1 đang sống cùng anh L2, cháu Trần Bảo n2 sống cùng chị L. Anh L2 hiện đang đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về. Bà T đã thông báo lại cho anh L2 về việc chị L khởi kiện tại Tòa án xin ly hôn anh L2 nhưng anh L2 không có ý kiến gì. Quan điểm của anh L2 cũng như gia đình bà T nếu chị L, anh L2 ly hôn thì gia đình cũng nhất trí nuôi cháu Trần Thị Kim N1.

Theo kết quả xác minh ngày 01/11/2022 tại khu dân cư cùng với trưởng khu 2a, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là ông Nguyễn Văn X: Ông X xác nhận sau khi chị L, anh L2 kết hôn vợ chồng chung sống tại khu 2<sup>a</sup>, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chị L, anh L2 chung sống tại địa phương, ông X có biết việc vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông X không nắm cụ thể, ông X chỉ biết tháng 8/2021, chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai con chung hiện một cháu sống cùng gia đình anh L2, một cháu đi theo chị L. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:**

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Thế L2.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bảo n2, sinh ngày 07/6/2020 cho đến khi thành niên. Anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Giao cháu Trần Thị Kim N1, sinh ngày 11/11/2018 cho anh L2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Vì anh L2 không có mặt tại Tòa án nên không có quan điểm về tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị L xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 25/7/2022, chị Trần Thị L nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Trần Thế L2, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Trần Thế L2 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L2 là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị L và anh Trần Thế L2 đăng ký kết hôn ngày 23/11/2017 tại UBND xã L3, huyện V2, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng. Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn kéo dài vì những bất đồng quan điểm sống, không thể hòa giải. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9/2021. Quá trình giải quyết vụ án anh L2 không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn. Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh L2 và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh chị cư trú thấy phù hợp với lời trình bày của chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị L, anh L2 đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình

trạng hôn nhân giữa chị L, anh L2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L2 không đến Tòa án để làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh L2 không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị L xin ly hôn với anh L2 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh L2 có 02 con chung là cháu Trần Thị Kim N1, sinh ngày 11/11/2018 và cháu Trần Bảo n2, sinh ngày 07/6/2020. Hiện nay, cháu Trần Thị Kim N1 đang sống cùng anh L2, cháu Trần Bảo n2 sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L xin được nuôi cháu Trần Bảo n2 và không đề nghị anh L2 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L2 không đến Tòa án nhưng qua lời khai của mẹ đẻ anh L2 thì anh L2 và gia đình cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Thị Kim N1, sinh ngày 11/11/2018.

Xét về điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung của hai bên đương sự thấy rằng: Hai bên có nguyện vọng nuôi con chung là chính đáng. Cháu Trần Bảo n2, sinh ngày 07/6/2020 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, cháu Trần Thị Kim N1, sinh ngày 11/11/2018 đã sinh sống và học tập ổn định cùng gia đình anh L2. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn là chị Trần Thị L là giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Bảo n2, sinh ngày 07/6/2020 đến khi thành niên, giao cho anh Trần Thế L2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Kim N1, sinh ngày 11/11/2018 đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử xét thấy chị L tự nguyện không yêu cầu anh L2 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận là phù hợp. Phía anh L2 không có mặt ở Tòa án để trình bày quan điểm nên xét thấy chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L2 là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị L xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh L2 không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Trần Thị L xin ly hôn anh Trần Thế L2.

Xử cho chị Trần Thị L ly hôn với anh Trần Thế L2.

2. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bảo n2, sinh ngày 07/6/2020 cho đến khi thành niên. Anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L vì chị L tự nguyện không yêu cầu.

Giao cháu Trần Thị Kim N1, sinh ngày 11/11/2018 cho anh L2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L2.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009528 ngày 03/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

*“ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS TP;
- Chi cục THADS TP. V;
- UBND xã L3, huyện V2;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Cẩm Vân**

